

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ Đại học hình thức Đào tạo từ xa theo phương thức trực tuyến – Khóa 4 năm 2025

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 3237/KH-ĐHM ngày 20 tháng 12 năm 2024 về tuyển sinh đại học hình thức đào tạo từ xa qua mạng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-ĐHM ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định quy chế đào tạo từ xa năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tờ trình số 788/TTr-ĐTTT ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc triển khai hoạt động marketing tuyển sinh chương trình cử nhân và kỹ sư trực tuyến khóa 04/2025;

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh đại học hình thức Đào tạo từ xa theo phương thức trực tuyến khóa 04/2025, với các thông tin chi tiết như sau:

1. Ngành đào tạo:

- | | |
|-------------------------|--|
| - Kế toán | - Luật kinh tế |
| - Kiểm toán | - Marketing |
| - Quản trị kinh doanh | - Du lịch |
| - Quản trị nhân lực | - Xã hội học |
| - Kinh doanh quốc tế | - Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng |
| - Tài chính – Ngân hàng | - Ngôn ngữ Trung Quốc |
| - Ngôn ngữ Anh | - Quản lý xây dựng |
| - Luật học | - Công nghệ thông tin |
| - Đông Nam Á học | |

(Tham khảo chương trình đào tạo tại website: www.elo.edu.vn)

2. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, tính đến thời điểm xét tuyển;

- Người dự tuyển đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo hướng chuyên môn phù hợp, bằng tốt nghiệp đại học. Nếu là bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học của các trường nước ngoài, trường nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài: có đủ điều kiện về trình độ văn hóa (có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên, đã được dịch công chứng sang tiếng Việt và có xác nhận công nhận giá trị văn bằng của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT), đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam hiện hành.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.1 Đối tượng có bằng tốt nghiệp THPT:

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ). Người học có tổng điểm trung bình của 3 môn học năm lớp 12 thuộc các tổ hợp xét tuyển với ngành đăng ký dự tuyển đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

- Các ngành xét tuyển:

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	<i>Phụ lục chi tiết đính kèm</i>
2	7340115	Marketing	
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
5	7340301	Kế toán	
6	7340302	Kiểm toán	
7	7340404	Quản trị nhân lực	
8	7380101	Luật	
9	7380107	Luật kinh tế	
10	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	
11	7310301	Xã hội học	
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	
13	7810101	Du lịch	
14	7580302	Quản lý xây dựng	
15	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	
16	7310620	Đông Nam Á học	
17	7480201	Công nghệ thông tin	

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình các môn học năm lớp 12 trong tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Điểm chấp nhận hồ sơ: Điểm xét tuyển ≥ 12 điểm.

- Nguyên tắc xét tuyển: Điểm xét tuyển của các tổ hợp khác nhau do người học đăng ký có giá trị như nhau và được lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu của ngành xét tuyển.
- Người học mất học bạ vui lòng liên hệ trường THPT để cấp bằng điểm lớp 12 thay học bạ.

3.2 Đối tượng có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học:

- Trường xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập của trình độ cao đẳng, đại học.
- Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc cao đẳng, đại học.
- Ngưỡng xét tuyển từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4), điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

❖ **Lưu ý:** Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh**: Trường tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào cho người học đã tốt nghiệp THPT, tốt nghiệp đại học. Cụ thể:

- Đạt: khi 2/4 kỹ năng đạt trình độ Pre-Intermediate. Người học hoàn tất thủ tục hồ sơ nhập học chương trình Cử nhân trực tuyến.
- Không đạt: khi 3/4 kỹ năng không đạt trình độ Pre-Intermediate. Người học hoàn tất thủ tục hồ sơ nhập học chương trình Cử nhân trực tuyến đồng thời phải đăng ký thêm môn Tiếng Anh nâng cao 4 và Tiếng Anh nâng cao 5 trong học kỳ đầu tiên.
- Đối với trường hợp người học đã tốt nghiệp cao đẳng ngành Ngôn ngữ Anh hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có một trong các chứng chỉ quốc tế tiếng Anh (như bảng dưới) sẽ được miễn thực hiện bài kiểm tra Tiếng Anh đầu vào.

Chứng chỉ	Aptis ESOL	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	Cambridge English Language Assessment
Số điểm	>= 102 (không có kỹ năng nào dưới 24)	>= 585	>= 490	>= 65	>= 5.0 (không có kỹ năng nào dưới 5)	CAE level B2 (từ 160 đến 172 điểm)
						FCE Grade C (từ 160 đến 172 điểm)
						PET Pass with Distinction (từ 160 đến 170 điểm)
Nơi cấp	British Council	Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS)			British Council, IDP	Đại học Cambridge
Thời hạn	Có giá trị không thời hạn	Có thời hạn hai năm kể từ ngày thi đến ngày xét miễn				Có giá trị không thời hạn

Lưu ý: Người học đóng học phí môn Tiếng Anh nâng cao 4 và Tiếng Anh nâng cao 5 với mức học phí là 1.740.000 VNĐ/môn học.

4. Thời gian đào tạo

- Từ 2 đến 3 năm: đối với người học đã tốt nghiệp Cao đẳng theo hướng chuyên môn phù hợp hoặc đã tốt nghiệp Đại học (tùy ngành).
- Từ 4 đến 5 năm: đối với người học đã tốt nghiệp THPT. Sinh viên có thể tăng cường độ học để hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn.

5. Cách thức học tập và đánh giá

- Sinh viên sẽ học trực tuyến (online) 100%.
- Sinh viên sẽ tham gia khóa học *Kỹ năng học tập* trực tuyến (miễn phí).
- Lịch thi kết thúc môn học được bố trí vào các buổi tối trong tuần, cả ngày thứ Bảy và Chủ Nhật. Lịch thi được công bố trước ngày thi ít nhất 02 tuần.

6. Văn bằng tốt nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng đại học với học vị cử nhân, kỹ sư do Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh cấp, được học tiếp lên các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ;
- Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực thi hành: **Hiện nay không phân biệt các hình thức đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa) và trên bằng tốt nghiệp không thể hiện hình thức đào tạo.**

7. Hồ sơ đăng ký nhập học: Hồ sơ tuyển sinh bao gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường) – 01 bản;
- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Trường) – 01 bản;
- Phiếu đăng ký xét đối tượng chính sách ưu tiên – khu vực (nếu có) – 01 bản;
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về công nghệ thông tin và các yêu cầu về sắp xếp, quản lý thời gian học tập (theo mẫu của Trường) – 01 bản;
- Đối với người học tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương:
 - Bản sao văn bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương – 03 bản;
 - Bản sao học bạ Trung học phổ thông – 03 bản;
- Đối với người học tốt nghiệp Cao đẳng hoặc Đại học:
 - Bản sao văn bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương – 03 bản;
 - Bản sao văn bằng tốt nghiệp Cao đẳng hoặc Đại học – 03 bản (Nếu bằng tốt nghiệp do trường nước ngoài cấp, nộp thêm 03 bản dịch tiếng Việt có công chứng);
 - Bản sao kết quả học tập (bảng điểm), có ghi rõ tên môn học, số tiết (số tín chỉ), kết quả từng môn – 03 bản. (Nếu bảng điểm do trường nước ngoài cấp, nộp thêm 03 bản dịch tiếng Việt có công chứng).
 - Trường hợp trước đó người học tốt nghiệp Đại học/Cao đẳng theo diện liên thông từ Trung cấp/Cao đẳng, vui lòng nộp thêm bản sao văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm Trung cấp/Cao đẳng – 03 bản
- Bản sao chứng nhận, chứng chỉ, văn bằng khác (nếu có) – 02 bản;
- Bản sao giấy khai sinh - 01 bản;
- Bản sao căn cước công dân – 01 bản;
- Ảnh 3x4 (được chụp trong vòng 6 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh phía sau ảnh) – 04 ảnh.

Lưu ý: Tất cả bản sao phải có công chứng.

8. Đăng ký môn học và Đóng học phí:

- Mức học phí (đã bao gồm học liệu):
- + Ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ thông tin: 600.000Đ/tín chỉ.
- + Ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc: 580.000Đ/tín chỉ.
- + Các ngành còn lại: 550.000Đ/tín chỉ.
- Sinh viên đóng học phí theo số lượng tín chỉ đăng ký vào đầu mỗi học kỳ. Riêng học kỳ đầu tiên, Nhà trường sẽ hỗ trợ sinh viên trong việc đăng ký môn học.

9. Địa điểm, thời gian nhận hồ sơ và khai giảng:

- Địa điểm phát và nhận hồ sơ:
- + Sinh viên nhận thông tin hướng dẫn hồ sơ bằng cách đăng ký nhận tư vấn trên Website/Tổng đài 18006119 (phím 2) hoặc đến trực tiếp Trung tâm Đào tạo trực tuyến (Phòng 505) – Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, số 97 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.
- + Sinh viên có thể nộp hồ sơ bằng cách gửi bưu điện hoặc nộp trực tiếp về:
 - Trung tâm Đào tạo trực tuyến (Phòng 505) – Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, số 97 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM.
 - Cơ sở 2 - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh: số 259/29 Quốc lộ 51, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ sở 3 - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh: số 68 Đường Lê Thị Trung, Phường Phú Lợi, TP. HCM.
 - Cơ sở 5 - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh: số 04 Đường Tân Định, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.
 - Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau: Số 126 Đường 3/2, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau.
 - Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm – số 101B Lê Hữu Trác, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng.
 - Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội - Phòng Đào tạo: số 102 Trung Kính, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội.
 - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Số 59 Hùng Vương, Phường Bà Rịa, TP. HCM.
 - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An: Km1, đường Lê Nin, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An.
 - Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng: Số 33 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
 - Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai: Số 61 Lý Thái Tổ, Phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai.
 - Trường Trung cấp Buôn Ma Thuột: Số 01A Lê Hồng Phong, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 27/12/2025 (trừ Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ).
- Khai giảng khóa mới: 11/01/2026.

10. Thông tin liên hệ:

Trung tâm Đào tạo trực tuyến (Phòng 505)

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 97 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 18006119 (phím 2)

Website: www.elo.edu.vn

Nơi nhận:

- Hiệu Trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTTT, N.Hồng (1).

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Xuân Trường

PHỤ LỤC
TỔ HỢP MÔN HỌC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHM ngày tháng năm 2025)

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Ngữ Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, Sinh, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Lý; Ngữ Văn, Toán, Hóa; Ngữ Văn, Toán, Tin học; Ngữ Văn, Anh, Tin học.
2	7340115	Marketing	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Ngữ Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, Sinh, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Lý; Ngữ Văn, Toán, Hóa; Ngữ Văn, Toán, Tin học; Ngữ Văn, Anh, Tin học.
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Ngữ Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, Sinh, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Lý;

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
			Ngữ Văn, Toán, Hóa; Ngữ Văn, Toán, Tin học; Ngữ Văn, Anh, Tin học.
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Ngoại ngữ; Toán, Hóa, Ngoại ngữ; Toán, Ngữ Văn, Tin học; Toán, Ngữ Văn, Công nghệ công nghiệp; Toán, Ngữ Văn, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp; Toán, Lý, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Lý, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Anh.
5	7340301	Kế toán	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Ngữ Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, GDKT&PL, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Lý; Ngữ Văn, Toán, Hóa; Ngữ Văn, Toán, Tin học; Ngữ Văn, Anh, Tin học.
6	7340302	Kiểm toán	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Ngữ Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, GDKT&PL, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Lý;

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
			Ngữ Văn, Toán, Hóa; Ngữ Văn, Toán, Tin học; Ngữ Văn, Anh, Tin học.
7	7340404	Quản trị nhân lực	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Ngữ Văn, Anh; Toán, Sử, Ngữ Văn; Toán, Sử, Anh; Toán, Công nghệ công nghiệp, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Công nghệ công nghiệp, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Ngữ Văn, Toán, Lý; Ngữ Văn, Toán, Tin học; Ngữ Văn, Anh, Tin học; Toán, Hóa, Anh.
8	7380101	Luật	Toán, Ngữ Văn, Ngoại ngữ*; Toán, Ngữ Văn, Sử; Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Ngữ Văn, Sử, Địa; Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*.
9	7380107	Luật kinh tế	Toán, Ngữ Văn, Ngoại ngữ*; Toán, Ngữ Văn, Sử; Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Ngữ Văn, Sử, Địa; Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*.
10	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp; Toán, Lý, Công nghệ nông nghiệp;

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
			Toán, Hóa, Tin học; Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Hóa, Anh; Toán, Anh, Tin học; Toán, Anh, Công nghệ công nghiệp; Toán, Anh, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Tin, Công nghệ công nghiệp; Toán, Tin, Công nghệ nông nghiệp; Ngữ văn, Toán, Anh.
11	7310301	Xã hội học	Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Sử, Địa; Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Toán, GDKT&PL; Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; Ngữ Văn, Địa, GDKT&PL; Toán, Lý, Anh; Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Anh.
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh; Ngữ Văn, Sử, Anh; Ngữ Văn, Địa, Anh; Ngữ Văn, GDKT&PL, Anh; Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Anh.
13	7810101	Du lịch	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh; Toán, Sử, Văn; Toán, Địa, Anh; Toán, Sử, Anh; Toán, Công nghệ công nghiệp, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Anh, Tin học; Toán, Công nghệ công nghiệp, Tin học;

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
			Ngữ Văn, Địa, Anh; Ngữ Văn, Sử, Anh.
14	7580302	Quản lý xây dựng	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp; Toán, Lý, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Hóa, Anh; Toán, Anh, Tin học; Toán, Anh, Công nghệ công nghiệp; Toán, Anh, Công nghệ nông nghiệp; Toán, Tin, Công nghệ công nghiệp; Toán, Tin, Công nghệ nông nghiệp; Ngữ văn, Toán, Anh.
15	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Lý, Ngoại ngữ; Toán, Hóa, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Ngoại ngữ.
16	7310620	Đông Nam Á học	Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Sử, Địa; Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Toán, GDKT&PL; Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ; Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; Ngữ Văn, Địa, GDKT&PL; Toán, Lý, Anh; Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Anh.
17	7480201	Công nghệ thông tin	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Tiếng Anh; Ngữ văn, Toán, Lý;

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp môn học xét tuyển
			Ngữ văn, Toán, Hóa; Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; Toán, Hóa, Tiếng Anh; Toán, Lý, Tin học; Toán, Hóa, Tin học; Toán, Tiếng Anh, Tin học; Toán, Ngữ văn, Tin học.

Ghi chú:

(*)Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn.

Đối với ngành Luật, Luật kinh tế: Ngoại ngữ gồm Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật.

(**)Khoa học xã hội: Chọn 1 trong 3 môn Sử/ Địa/ Giáo dục Công dân.